TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2024/HS-ST
Ngày 18-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁNNHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Linh Chi.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Kim.

Bà Nguyễn Thị Lại.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 18/11/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 239/2024/HSST ngày 18 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2024/QĐXXST-HS ngày 04/11/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Chu Văn K**, sinh năm 1997 tại Bắc Giang; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Chu Văn L, sinh năm 1963 và bà Dương Thị T, sinh năm 1961; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: không; Bị cáo đầu thú bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2024 đến nay; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam, Công an tỉnh B. Có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố Cầu, phường Tự Lạn, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

2. Anh Thân Nhân C1, sinh năm 1998. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố R, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Việt A, sinh năm 2001. Xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố Thượng, phường Bích Động, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

2. Anh Tân Văn T1, sinh năm 1965. Vắng mặt.

Địa chỉ: xóm Rừng, khu phố Trang Liệt, phường Trang Hạ, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

3. Chị Đỗ Thu H, sinh năm 2003. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố Râm, phường Tự Lạn, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

4. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1969. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố Cầu, phường Tự Lạn, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

5. Anh Lô Văn H2, sinh năm 1998. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

6. Bà Dương Thị T, sinh năm 1961. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chu Văn K, sinh năm 1997; trú tại Tổ dân phố Đ, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang là đối tượng không có việc làm, thường bỏ nhà đi sống lang thang. Để có tiền chi tiêu cá nhân, K thực hiện hai vụ "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" trên địa bàn thị xã V, tỉnh Bắc Giang, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Tối ngày 14/6/2024 do không có tiền tiêu sài cá nhân nên K nảy sinh ý định lừa mượn xe mô tô của người khác rồi đem thế chấp lấy tiền. Khoảng 20 giờ cùng ngày, K đi bộ đến nhà bạn là anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1993, trú tại Tổ dân phố C, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang nói dối anh T2 cho mượn xe mô tô để đi xuống phường V, thị xã V lấy tiền rồi đem xe về trả. Anh C tin lời K nói là thật nên giao xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125I, màu đen biển số 98B2-237.36 (viết tắt là xe mô tô biển số 98B2-237.36) cho K mượn. Sau khi mượn được xe, K điều khiển xe mô tô của anh C đến thành phố B, tỉnh Bắc Ninh thuê nhà nghỉ ngủ qua đêm để hôm sau tìm cách thế chấp xe. Đến tối ngày 15/6/2024, K điều khiển xe mô tô biển số 98B2-237.36 đi đến nhà nghỉ "Việt Anh" của anh Nguyễn Việt A, sinh năm 2001, ở Tổ dân phố T, phường B, thị xã V, tỉnh Bắc Giang để thế chấp xe vay tiền. K nói dối xe mô tô biển số 98B2-237.36 là tài sản của K rồi thế chấp xe cho anh Nguyễn Việt A để vay 6.000.000 đồng. Anh Nguyễn Việt A dùng điện thoại di động chụp lại hình ảnh K đứng cạnh xe mô tô biển số 98B2-237.36 khi thế chấp xe và giữ lại xe mô tô rồi đưa tiền mặt cho K vay. Nhận được tiền, K

đi xe tắc xi đến thành phố B chơi và ăn tiêu số tiền thế chấp xe có được. Đến ngày 19/6/2024, sau khi chi tiêu hết số tiền thế chấp xe, K tiếp tục nảy sinh ý định đến gặp anh Việt A để vay thêm tiền. K nhờ bạn là anh Lô Văn H2, sinh năm 1998, trú tại Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, đang làm công nhân tại khu Công nghiệp ở thị xã V điều khiển xe chở K đến nhà anh Việt A, nhưng không nói cho biết đi vay thêm tiền từ việc thế chấp xe mô tô trước đó. Đến nơi, anh H2 đứng ngoài cổng đợi, còn K một mình đi vào nhà gặp anh Việt A. K tiếp tục hỏi vay thêm của anh Việt A số tiền 2.000.000 đồng. Anh Việt A yêu cầu K đưa giấy tờ xe mô tô biển số 98B2-237.36 cho anh Việt A. Lúc này, K nói dối là giấy tờ xe mô tô đang để ở nhà, hẹn ngày 25/6/2024 sẽ mang đến đưa cho anh Việt A. Tin lời K nói thật, anh Việt A đồng ý cho K vay thêm tiền nhưng nói chỉ có tiền tài khoản. Do K không sử dụng tài khoản Ngân hàng, nên bảo anh H2 cho mượn tài khoản Ngân hàng để nhận hộ tiền anh Việt A cho vay. Anh Việt A sử dụng tài khoản Ngân hàng M, số 0948872001 mang tên anh Việt A chuyển số tiền 2.000.000 đồng đến số tài khoản Ngân hàng V, số A của anh H2. Nhận được tiền, anh H2 lấy 2.000.000 đồng tiền mặt của mình trả cho K rồi điều khiển xe bỏ đi làm. Sau khi lấy được tiền, K đã chi tiêu cá nhân hết. Về phía anh C, sau khi cho mượn xe mô tô, không thấy K đem xe trả nên đòi nhiều lần nhưng K trốn tránh không gặp mặt.

Vụ thứ hai: Chiều ngày 26/6/2024, do không có tiền chi tiêu, K tiếp tục nảy sinh ý định lừa mượn xe mô tô của người quen rồi đem đi cầm cắm lấy tiền. Khoảng 19 giờ ngày 26/6/2024, K đến nhà anh Thân Nhân C1, sinh năm 1998, trú tại Tổ dân phố R, phường T, thị xã V rủ vợ chồng anh C1 đi uống bia rồi tìm cách lừa lấy xe mô tô của anh C1. Sau đó, chị Đỗ Thu H, sinh năm 2003 là vợ anh C1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu đen, biển số 98B3-779.00 (viết tắt là xe mô tô biển số 98B3-779.00) chở anh C1 và K đi uống bia tại quán không nhớ tên quán, ở khu vực Đ, thuộc phường H, thị xã V. Cả ba ngồi uống bia được khoảng mấy phút thì chị H đi ra ngoài có việc. Thấy vậy, K nói dối anh C1 là cho K mượn xe mô tô để đi đón người yêu đến uống bia cùng. Do tin tưởng nên anh C1 giao xe mô tô biển số 98B3-779.00 cho K mượn. Nhận được xe, K điều khiển xe mô tô đến nhà nghỉ "Tân Tiến Đạt" của ông Tân Văn T1, sinh năm 1965, ở xóm R, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh, thuê phòng ngủ qua đêm. Sáng ngày 27/6/2024, K xuống quầy lễ tân gặp ông Tân Văn T1 đặt vấn đề thế chấp xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, biển biển số 98B3-779.00 để vay tiền và nói dối xe là tài sản của K. Ông T1 đồng ý cho K vay số tiền 2.000.000 đồng giữ lại xe mô tô biển số 98B3-779.00 làm tin. Nhận được tiền, K trả ông T1 250.000 đồng tiền phòng, rồi cầm số tiền còn lại chi tiêu cá nhân hết. Về phía anh C1, sau khi cho mượn xe mô tô, không thấy K đem xe trả lại nên liên lạc đòi nhiều lần nhưng K1 trốn tránh không gặp mặt.

Ngày 02/7/2024, anh Thân Nhân C1 và anh Nguyễn Văn C có đơn trình báo đến Công an phường T, thị xã V về việc bị Chu Văn K chiếm đoạt hai xe mô tô như nêu trên. Cùng ngày, Chu Văn K đến Công an phường T đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi lừa đảm chiếm đoạt tài sản như nêu trên. Công an phường T đã bàn giao K cùng tài liệu có liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã V để điều tra theo thẩm quyền.

Trong ngày 02/7/2024 và 05/7/2024, Cơ quan điều tra đã thu giữ của anh Nguyễn Việt A 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125I, biển số 98B2-237.36; của ông T1 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, biển số 98B3-779.00, bên trong cốp xe có 01 Căn cước công dân mang tên anh Thân Nhân C1; 01 Căn cước công dân mang tên chị Đỗ Thu H.

Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra điện thoại của anh Nguyễn Việt A phát hiện thu giữ được hình ảnh chụp K đứng cạnh xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125I, biển số 98B2-237.36 khi thế chấp xe vay tiền; Tiến hành kiểm tra lịch sử giao dịch chuyển tiền tài khoản Ngân hàng, xác định tài khoản Ngân hàng M số 0948872001 của anh Việt A có chuyển số tiền 2.000.000 đồng đến số tài khoản Ngân hàng V số 1012583558 của anh Lô Văn H2 như nêu trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 160/KL-HĐĐGTS ngày 10/7/2024, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã V, định giá và kết luận trị giá xe mô tô tại thời điểm bị chiếm đoạt: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125I màu đen, biển số 98B2-237.36, đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu năm 2022, có trị giá 52.000.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu đen, biển số 98B2-779.00, đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu năm 2021, có trị giá 23.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra anh C, ông H1, anh C1, chị H ông T1 không yêu cầu bị can bồi thường dân sự. Anh Nguyễn Việt A yêu cầu bị can phải hoản trả số tiền vay là 8.000.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Chu Văn K đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 249/CT-VKSYD ngày 18/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Chu Văn K về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, bà Dương Thị T là mẹ đẻ bị cáo Chu Văn K đã hoàn trả cho anh Nguyễn Việt A số tiền 8.000.000 đồng; anh Nguyễn Việt A xác nhận đã nhận đủ số tiền 8.000.000 đồng từ bà T và không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả thêm khoản tiền nào khác, không yêu cầu bị cáo K phải bồi thường gì thêm cho anh, đồng thời anh Việt A xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo K.

Tại phiên toà hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố.

Qua tranh tụng tại phiên toà, kiểm sát viên phát biểu lời luận tội vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo Chu Văn K về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự và đề nghị:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Chu Văn K từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 02/7/2024.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có tranh luận gì.

Bà T không có tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản của Tòa án về thời gian mở phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ và được lưu trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt họ không trở ngại cho việc xét xử. Do đó, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, HĐXX thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên đã đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có vi phạm gì. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên toà bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận định giá và

các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy đã có đủ cơ sở để kết luận:

Chu Văn K là đối tượng không có việc làm, thường bỏ nhà đi sống lang thang. K đã dùng thủ đoạn gian dối, nói dối người khác cho mượn xe mô tô đi có việc, sau khi mượn được xe thì chiếm đoạt đem thế chấp lấy tiền tiêu sài cá nhân. Trong các ngày 14/6/2024 và 26/6/2024, với thủ đoạn nêu trên, K đã thực hiện hai vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản là xe mô tô của người khác tại thị xã V, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 20 giờ ngày 14/6/2024, tại nhà anh Nguyễn Văn C, ở tổ dân phố C, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang, K lừa đảo chiếm đoạt của anh C 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125I, màu đen, biển kiểm soát 98B2-237.36 trị giá 52.000.000 đồng. Sau đó, K mang xe mô tô tô nêu trên của anh C thế chấp cho anh Nguyễn Việt A lấy 8.000.000 đồng chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng hơn 19 giờ ngày 26/6/2024, tại quán bán bia (không xác định được tên quán) ở khu vực Đ, thuộc phường H, thị xã V, tỉnh Bắc Giang, K lừa đảo chiếm đoạt của anh Thân N C1 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu đen, biển kiểm soát 98B3-779.00 trị giá 23.000.000 đồng. Sau đó, K mang xe mô tô nêu trên của anh C1 thế chấp cho ông Tân Văn T1 lấy 2.000.000 đồng chi tiêu cá nhân hết.

Tổng trị giá tài sản Chu Văn K lừa đảo chiếm đoạt trong hai vụ nêu trên là 75.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Vì vậy, Cáo trạng số 249/CT-VKSYD ngày 18/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Chu Văn K về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét về nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo Chu Văn K chưa có tiền án, tiền sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện 02 lần hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cả 02 lần hành vi của bị cáo đều cấu thành tội "Lừa đảo tài sản" và chưa lần nào bị truy cứu trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình bị cáo hoàn trả tiền cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhằm khắc phục một phần hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo

phạm tội nhiều lần và thuộc trường hợp nghiêm trọng với lỗi cố ý nên HĐXX thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Bị cáo không có việc làm, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên HĐXX xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã thu hồi được tài sản và trả lại cho các bị hại. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, anh C, ông H1, anh C1, chị H, ông T1, anh Việt A không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên HĐXX không xem xét.

[6] Đối với số tiền 8.000.000 đồng do bà Dương Thị T là mẹ đẻ bị cáo K đã bỏ ra hoàn trả cho anh Nguyễn Việt A thay bị cáo: Tại phiên tòa, bà T xác định số tiền này là của bà, do bị cáo K là con trai bà nên nay bà không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả bà số tiền này nên HĐXX không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Toàn bộ tài sản bị cáo chiếm đoạt được đã thu giữ và trả lại cho chủ sỡ hữu, ngoài ra Cơ quan Cảnh sát điều tra không còn thu giữ tài sản, đồ vật, tài liệu gì khác nên HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016. Bị cáo Chu Văn K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Chu Văn K 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 02/7/2024.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày

30/12/2016. Bị cáo Chu Văn K phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lại **Nguyễn Quang Kim** **Nguyễn Linh Chi**